

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/11/2018
V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con
chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HD, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Khuôn.

2. Bà Phạm Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HD, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 453/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2018/QĐHPT ngày 12 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị D**, sinh năm: 1981.

ĐKHKTT: khu 4, phường TB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: Kí ốt số 8 đường Nguyễn Văn Linh, phường TB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Đoàn Trọng H**, sinh năm: 1974.

ĐKHKTT: khu 4, phường TB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: số nhà 38, ngõ 73 phố Tân Kim, phường TB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày: Chị và anh Đoàn Trọng H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ThB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/5/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên rượu chè, xúc phạm danh dự của chị và gia đình chị. Anh H nhiều lần đánh chửi chị và đi với người phụ nữ khác. Anh H không tôn trọng chị và gửi ảnh đi với người phụ nữ khác cho chị qua điện thoại. Do cuộc sống chung không có sự tôn trọng lẫn nhau, bản thân anh H có biểu hiện không chung thủy với chị, thậm chí nhả tin xúc phạm chị nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm chăm sóc, chia sẻ với nhau, vợ chồng hay cãi nhau, ảnh hưởng đến sức khỏe và làm chị suy sụp tinh thần. Vợ chồng đã ly thân, chị không sống cùng nhà với anh H nữa. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên tháng 4/2018, chị đã làm đơn ly hôn anh H nhưng do nghĩ đến các con chung và muốn cho anh H cơ hội để cải thiện tình cảm vợ chồng nên chị đã rút đơn về nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Nay, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Tại biên bản ngày 28/9/2018, Tòa án đã giao và anh H đã nhận thông báo thụ lý vụ án cùng giấy tờ tài liệu khởi kiện của chị D và giấy triệu tập của Tòa án và hẹn đến 09h00' ngày 1/10/2018 anh sẽ có mặt tại Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Sau đó, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết các văn bản của Tòa án theo quy định của pháp luật cho anh H nhưng anh H đều không đến Tòa án làm việc và không có quan điểm về quan hệ vợ chồng, con chung và tài sản chung.

Về con chung: Chị D trình bày, chị và anh H có hai con chung là Đoàn Trọng Ngh, sinh ngày 17/4/2004, hiện đang ở với chị và con Đoàn Trọng H, sinh ngày 09/6/2007, hiện đang ở với anh H. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng con Đoàn Trọng Ngh còn giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng con Đoàn Trọng H. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Chị trình bày và xin xác nhận thể hiện: hiện tại, chị làm thợ sơn sửa móng tay, anh H là thợ mộc, thu nhập của anh, chị mỗi người được khoảng 8 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/10/2018, cháu Đoàn Trọng Ngh có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu Đoàn Trọng H có nguyện vọng được ở với bố.

Về tài sản chung: chị D trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị không có tài sản riêng. Vợ chồng không nợ chung và cho ai vay chung; nợ riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có.

Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của chị D, Tòa án tiến hành lấy lời khai, thu thập ý kiến của gia đình chị D và anh H, xác minh tại khu dân cư nơi anh chị cư trú thể hiện: Cuộc sống chung của anh chị mâu thuẫn từ nhiều năm nay do vợ chồng không tin tưởng và không tập trung kinh tế, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, vợ chồng không quan tâm đến nhau, cuộc sống chung của

anh chị không có hạnh phúc. Gia đình và khu dân cư đã hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Hiện nay, mỗi người đang nuôi dưỡng một con và vợ chồng không ở cùng nhau. Tại Công văn số 4250/QLXNC-P5 ngày 12/11/2018 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: anh Đoàn Trọng H đã được Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp lần lượt 05 hộ chiếu; có thông tin xuất cảnh ngày 07/10/2013 qua cửa khẩu Nội Bài, nhập cảnh ngày 12/05/2015 qua cửa khẩu Tân Sơn Nhất bằng hộ chiếu số B8159963 cấp ngày 10/07/2013.

Tại phiên tòa hôm nay, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về con chung, chị đề nghị Tòa án cho chị được nuôi dưỡng con Đoàn Trọng Ngh; anh H nuôi dưỡng con Đoàn Trọng H. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, chị vẫn đề nghị vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ chung và cho ai vay chung; nợ riêng; công sức đóng góp với gia đình hai bên không có. Chị không có tài sản riêng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Đoàn Trọng H; về quan hệ con chung: giao cho chị D nuôi dưỡng con chung Đoàn Trọng Ngh, sinh ngày 17/4/2004; anh H nuôi dưỡng con chung Đoàn Trọng H, sinh ngày 09/6/2007, thời gian kể từ tháng 11 năm 2018 đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và anh, chị đều được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về án phí: buộc chị D phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng. Chị D đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 12/11/2018; tại phiên tòa, anh H vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay 27/11/2018, tại phiên tòa hôm nay, anh H vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: chị Lê Thị D và anh Đoàn Trọng H được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ThB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương vào ngày 07/5/2003 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không quan tâm đến nhau, không tập trung kinh tế, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Gia đình và khu dân cư đã hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện. Hiện nay, mỗi người ở một nơi. Đã có lần, Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh H, chị D rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ nhưng cuộc sống chung không được cải thiện. Tòa án triệu tập anh H nhiều lần và hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị D và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị D xin ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: vợ chồng có hai con chung là Đoàn Trọng Ngh, sinh ngày 17/4/2004, hiện đang ở với chị D và con Đoàn Trọng H, sinh ngày 09/6/2007, hiện đang ở với anh H. Sau ly hôn, chị D có nguyện vọng đề nghị Tòa án cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng con Đoàn Trọng Ngh còn giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng con Đoàn Trọng H. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Cháu Đoàn Trọng Ngh có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu Đoàn Trọng H có nguyện vọng được ở với bố. Hội đồng xét xử xét thấy, chị D trình bày mỗi người đang nuôi một con chung, anh chị đều có việc làm tốt, có thu nhập cao, có chỗ ăn ở ổn định và nguyện vọng của cháu Nghĩ muốn được ở với mẹ, cháu Hiệp muốn được ở với bố, do vậy, theo nguyện vọng của chị D và các con cũng như để giữ ổn định cho các con trong điều kiện tốt nhất nên chấp nhận nguyện vọng của chị D giao cho chị D được nuôi dưỡng con chung Đoàn Trọng Ngh; anh H nuôi dưỡng con chung Đoàn Trọng H. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và anh chị đều được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: chị D trình bày anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không nợ chung, không nợ riêng và cho ai vay chung; công sức đóng góp với gia đình hai bên không có. Chị D trình bày chị không có tài sản riêng nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị D xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ vợ chồng*: Xử cho chị Lê Thị D được ly hôn anh Đoàn Trọng H.

- *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Lê Thị D nuôi dưỡng con chung Đoàn Trọng Ngh, sinh ngày 17/4/2004 và giao cho anh Đoàn Trọng H nuôi dưỡng con chung Đoàn Trọng H, sinh ngày 09/6/2007, thời gian kể từ tháng 11 năm 2018 đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và đều được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0002538 ngày 07/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HD. Chị Lê Thị D đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D, vắng mặt anh H. Chị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố HD;
- Chi cục THADS TP. HD;
- Các đương sự;
- UBND phường ThB, thành phố HD, tỉnh Hải Dương để lưu hồ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh